

Bản án số: 09/2018/HS-ST

Ngày 31 - 01 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Thẩm phán: Ông Trần Thanh Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến;

Bà Vũ Thị Ngọc Tươi;

Bà Nguyễn Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Thái Thị Thúy Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2017/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2017; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 đối với:

- Các bị cáo:

1. Vũ Thanh T (tên gọi khác: Nguyễn Hoàng K, T công), sinh ngày 24 tháng 10 năm 1997 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; không rõ cha, mẹ tên Vũ Thị V; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú bị tạm giữ, chuyển sang tạm giam từ ngày 03 tháng 7 năm 2017 đến nay tại Trại Tạm giam – Công an tỉnh Đồng Nai (B5); có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Vũ C, sinh ngày 09 tháng 4 năm 1997 tại tỉnh Bình Phước; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh D (đã chết) và bà Vũ Thị Thanh P; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú bị tạm giữ, chuyển sang tạm giam từ ngày 03 tháng 7 năm 2017 đến nay tại Trại Tạm giam – Công an tỉnh Đồng Nai (B5); có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thanh T và Nguyễn Vũ C:* Ông Ngô Văn Đ, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư N - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Lê Hồng T, sinh ngày 31 tháng 7 năm 1990, chết ngày 02 tháng 7 năm 2017; nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 196X (cha anh Hồng T);
2. Bà Nguyễn Thị Mê L, sinh năm 196X (mẹ anh Hồng T);

Cùng cư trú: Ấp Trần Cao V, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Vũ Thị Thanh P; nơi cư trú: Ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Hoàng N; có mặt tại phiên tòa.
2. Bà Lê Thị H; có mặt tại phiên tòa.
3. Anh Trần Thanh T; có mặt tại phiên tòa.
4. Anh Vũ Hoàng Kim Khải N; có mặt tại phiên tòa.
5. Anh Bùi Thế P; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 02/7/2017, Vũ Thanh T cùng với Nguyễn Vũ C và các anh, chị Đào Duy H, Bùi Thế P, Vũ Hoàng Kim Khải N, Nguyễn Thị Yến N, Bùi Thị Như Q và Đặng Thị Như N đến Quán Ka-rao-ke “H”, thuộc ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai ăn nhậu và hát tại Phòng số 4. Khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày, anh Lê Hồng T cùng với các anh Trần Thanh T, Trần Thanh T1, Lê Quang V, Nguyễn Hữu Đ và P (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến hát ka-rao-ke tại Phòng số 6 của quán.

Trong lúc hát ka-rao-ke, Vũ Thanh T ra ngoài, đi vệ sinh thì thấy anh Lê Hồng T và anh Trần Thanh T cùng ngồi tại ghế đá gần khu vực nhà vệ sinh. T cho rằng, anh Hồng T và anh Thanh T nhìn T với thái độ khiêu khích nên T bỏ đi về Phòng số 4. Một lúc sau, T tiếp tục đi ra nhà vệ sinh rửa tay thì thấy anh Hồng T và anh Thanh T vẫn ngồi ghế đá trước cửa phòng vệ sinh và nhìn T. Lúc này, T nảy sinh ý định đánh anh Hồng T nên chạy đến quầy bar của quán, lấy con dao để trong xô nhựa đựng nước đá thì bị anh Nguyễn Hoàng N (chủ quán) ngăn cản; nên T không lấy được hung khí. T quay lại Phòng số 4, gọi Nguyễn Vũ C ra ngoài và nói với C: *“Mày chở tao về, tao lấy dao đâm chết mấy thằng này”*.

Khoảng 15 phút sau, C sử dụng xe mô tô hiệu Exciter biển số 60B7-469.XX chở Vũ Thanh T về nhà, T lấy 01 con dao bấm cán dài 13cm, lưỡi dao dài 13cm, mũi nhọn bỏ vào túi quần, quay lại Quán ka-rao-ke “H”. Khi T và C đi đến quầy bar của quán thì bị anh Nguyễn Hoàng N ngăn cản, giữ C, không cho đi vào phòng ka-rao-ke; nên C ra xe mô tô đứng chờ. Còn T, đi về hướng Phòng số 6 thì bị chị Lê Thị H (là vợ anh N) ngăn cản, không cho vào Phòng số 6. Cùng lúc này, anh Lê Hồng T mở cửa Phòng số 6, đi về phía nhà vệ sinh thì T liền đuổi theo đến nhà vệ sinh và dùng dao bấm đâm anh Hồng T nhiều nhát vào mặt, cổ trái, ngực trái, hõm nách phải và lưng; T bỏ chạy ra chỗ C đang đứng chờ. Thấy anh Hồng T bị T đâm, anh Trần Thanh T (bạn của anh Hồng T) cầm 01 cây lau nhà chạy đuổi theo T, đến chỗ C đậu xe thì bị C lấy 01 con dao dài khoảng 15 cm trong cốp xe mô tô đe dọa; nên anh Thanh T không đuổi theo T nữa. T lên xe cùng C, bỏ chạy về phòng trọ của anh N thuê ở ấp H, xã H, huyện T. T kể lại việc cho anh Đào Duy H và Bùi Thế P nghe; T vứt bỏ con dao gây án tại phòng trọ của anh N, cùng C bỏ trốn.

Đến sáng ngày 03/7/2017, T và C đến Công an huyện T đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như trên. Anh Lê Hồng T được đưa đi cấp cứu và đã tử vong tại Bệnh viện Đa khoa khu vực L.

- Vật chứng của vụ án:

+ Thu giữ 01 con dao bấm bằng kim loại, cán dao dài khoảng 13cm, lưỡi dao dài khoảng 13cm; mũi dao sắc nhọn (bút lục số 19). Vũ Thanh T đã xác định là con dao mà T đã sử dụng để đâm anh Lê Hồng T (bút lục số 21).

+ 01 con dao dài khoảng 15 cm, lưỡi dao dài khoảng 05cm, cán dao dài khoảng 10cm do Nguyễn Vũ C sử dụng, C đã vứt bỏ trên đường chạy trốn, đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được (bút lục số 20).

+ 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 60B7-469.XX; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe thuộc quyền sở hữu của cha mẹ Nguyễn Vũ C.

- Tại Kết luận giám định số: 2319/C54B ngày 07/9/2017 của Giám định viên thuộc Phân viện Khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát tại Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Con dao kim loại màu đen, loại dao bấm, mũi dao sắc nhọn do Vũ Hoàng Kim Khải N giao nộp có dính máu người. Phân tích gen (ADN) theo hệ Identifiler từ dấu vết máu này được kiểu gen nam giới hoàn chỉnh và trùng với kiểu gen của Lê Hồng T (bút lục số 24).

- Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ án tại Quán Ka-rao-ke H vào lúc 17 giờ ngày 02/7/2017 xác định:

+ Có 02 dãy phòng hát ka-rao-ke ở hai bên hướng Đông và hướng Tây, ở giữa 02 dãy phòng là hành lang đi lại rộng 1,3m.

+ Phòng hát số 04 là phòng ở dãy phòng hướng Đông, kích thước 5 x 3,6m; cửa ra vào ở tường hướng Tây, kích thước cửa 2,2m x 1m, loại cửa một cánh.

+ Phòng hát số 06 là phòng ở dãy phòng hướng Đông, cách phòng số 04 khoảng 20m về hướng Bắc; kích thước phòng 4m x 6m; cửa ra vào ở tường hướng Tây, kích thước cửa 1,6m x 0,94m, loại cửa một cánh.

+ Khu vực vệ sinh ở hướng Tây, cách Phòng số 06 là 13,8m về hướng Nam. Khu vệ sinh có 02 phòng nhỏ nằm sát nhau theo hướng Bắc – Nam, mỗi phòng kích thước 1,5m x 2m. Phía bên ngoài tường hướng Đông, ở phần tường có ngăn cách giữa hai 02 phòng có gắn chậu rửa mặt cao cách nền 0,7m, đã bị vỡ, các mảnh vỡ được nhân viên quán quét dọn vào thùng rác, cách cửa nhà vệ sinh hướng Bắc 0,85m về hướng Đông.

- Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 406/PC54-KLGĐPY ngày 11/7/2017 của Giám định viên thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai xác định dấu vết trên tử thi Lê Hồng T và nguyên nhân tử vong của nạn nhân như sau:

+ Khám ngoài:

++ Đầu và mặt: Vết rách da hình thẳng dài 1,1cm cách 3,5cm trên sau đuôi cung lông mày phải, mép gọn, tụ máu, đầu tù bên phải, đầu nhọn bên trái, rãnh thương sâu 0,3cm; 02 vết rách da thẳng song song 0,8cm và 0,5cm, cách 2cm dưới sau mép trái, mép gọn, tụ máu, rãnh thương sâu 0,3cm. Vết xước da thẳng, dài 1,8cm, cách 0,5cm dưới 02 vết rách da trên.

++ Cổ, ngực, bụng: Vết rách da thẳng 2,5cm, cách 7cm trên sau đầu trong xương đòn trái, vùng cổ bên trái, mép gọn, tụ máu, đầu nhọn bên phải, đầu tù bên trái, trục vết xiên góc 10 độ so với trục cơ thể, hướng rãnh thương từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, cách đầu vết bên phải 0,5cm, có vết xước da thẳng dài 9,5cm. Vết rách da hình bầu dục 1,9cm x 0,5cm, cách 5cm dưới hõm nách phải, mép gọn, tụ máu, đầu tù ở trên, đầu nhọn ở dưới, hướng rãnh thương từ phải qua trái, chệch lên trên, sâu 6cm, không thủng thành ngực. Vết rách da thẳng dài 1cm, cách 9,5cm dưới sau vú trái, mép gọn, tụ máu, đầu nhọn bên phải, đầu tù bên trái, trục vết nằm ngang so với trục cơ thể, rãnh thương sâu chạm thành ngực.

++ Lưng: Vết rách da hình cong 6cm x 2,5cm, cách đốt sống lưng số 3 là 11cm về bên phải, mép gọn, tụ máu, hướng rãnh thương từ dưới lên trên, rách tổ chức dưới da.

+ Khám trong:

++ Cổ, ngực, bụng: Rách tổ chức dưới da, đứt cơ ức đòn chũm bên trái 2,7cm x 1cm, xung quanh tụ máu. Đứt động mạch dưới đòn trái, cách gốc (chỗ phân nhánh với quai động mạch chủ) 5cm. Tụ máu nhẹ dưới da 1cm x 0,6cm vùng ngực, tương ứng xương sườn số 7 bên trái. Trong lồng ngực bên phải khô; trong khoang lồng ngực bên trái nhiều máu loãng lẫn máu cục; thủng phúc mạc thành ngực phía trên, khe liên sườn, giữa xương đòn và xương sườn số 1 bên trái. Phổi phải căng giãn; phổi trái hơi xẹp; thủng đỉnh phổi trái dài 1cm, xung quanh tụ máu; rãnh thương sâu 2cm.

+ Nguyên nhân tử vong: Sốc mất máu do vết thương vùng cổ, đứt động mạch dưới đòn, thủng phổi trái. Hung khí: Vật sắc nhọn (một loại) (bút lục số 15 và 16).

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Hồng T yêu cầu bồi thường chi phí mai táng với số tiền 67.000.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng). Gia đình bị cáo Nguyễn Vũ C đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Tại Cáo trạng số: 1401/CT-VKS-P2 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Vũ Thanh T và Nguyễn Vũ C về tội “Giết người” theo Điểm n, Khoản 1, Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

+ Áp dụng Điểm n, Khoản 1, Điều 93; Điểm p, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điểm e, Khoản 1, Điều 48 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thanh T mức án tù 18 năm đến 19 năm tù;

+ Áp dụng Điểm n, Khoản 1, Điều 93; Điểm b và p, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ C mức án tù 07 năm đến 08 năm tù.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng và buộc các bị cáo phải bồi thường dân sự theo quy định.

- Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hoàn toàn hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả và không có ý kiến gì khác.

- Người bào chữa cho các bị cáo do ông Ngô Văn Đ trình bày:

Về tội danh thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên.

Về hình phạt đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ đã được pháp luật quy định; ngoài ra, đề nghị xem xét:

+ Bị cáo T không rõ cha mình là ai, mẹ bị bệnh tâm điên bẩm sinh và có dấu hiệu bị tâm thần; do vậy, bị cáo không được giáo dục để hình thành nhân cách hoàn chỉnh, nhận thức xã hội rất hạn chế.

+ Gia đình bị cáo C có hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo là lao động chính; cha bị bệnh hiểm nghèo và chết; bị cáo C có thời gian phục vụ trong quân đội.

Từ những lý do trên, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Tại phiên tòa, những người đại diện hợp pháp cho bị hại đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự các bị cáo theo quy định của pháp luật. Về bồi thường thiệt hại vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường số tiền còn lại về chi phí mai táng là 47.000.000 đồng; ngoài ra, do hoàn cảnh của cả hai bị cáo đều khó khăn nên không còn yêu cầu nào khác.

- Tại phiên tòa, những người làm chứng có mặt đều trình bày và xác nhận nội dung sự việc đúng như các bị cáo đã trình bày tại phiên tòa và hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quyền được bào chữa của các bị cáo được đảm bảo; người bào chữa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

[2] Về hành vi và các tình tiết liên quan đối với các bị cáo:

- Về tội danh: Lời khai của các bị cáo Vũ Thanh T và Nguyễn Vũ C tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của những người tham gia tố tụng khác, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và cáo trạng đã mô tả. Các bị cáo không có mâu thuẫn với bị hại nhưng lại vô cớ dùng hung khí nguy hiểm tấn công và gây ra cái chết cho bị hại Lê Hồng T. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”, có tính chất côn đồ, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm n, Khoản 1, Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Trong đó, bị cáo T giữ vai trò chính, khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo C dùng xe mô tô chở bị cáo T về nhà lấy hung khí, tham gia vào vụ án với vai trò giúp sức; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm theo Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Cáo trạng và quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ; nên được chấp nhận.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Thanh T mặc dù đã được người khác ngăn cản nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm đến cùng; thuộc trường hợp quy định tại Điểm e, Khoản 1, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi gây án, đã tự giác ra đầu thú; thuộc trường hợp quy định tại Điểm p, Khoản

1 và Khoản 2, Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Gia đình bị cáo Nguyễn Vũ C đã bồi thường một phần về dân sự; thuộc trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của các bị cáo Vũ Thanh T và Nguyễn Vũ C là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự, trị an tại địa phương; do đó, cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian với mức án tương xứng với hành vi và vai trò của từng bị cáo; để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Ngoài ra, cũng xem xét đến bị cáo T có hoàn cảnh rất khó khăn, không rõ cha là ai, mẹ bị bệnh tâm thần bẩm sinh và có dấu hiệu bị tâm thần; gia đình bị cáo C cũng có hoàn cảnh rất khó khăn; sau khi bị cáo C bị tạm giam, cha bị bệnh hiểm nghèo và chết; bị cáo C có thời gian phục vụ trong quân đội. Các nội dung này được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

[3] Vật chứng: 01 con dao bấm bằng kim loại, cán dao dài khoảng 13cm, lưỡi dao dài khoảng 13cm; mũi dao sắc nhọn là công cụ phương tiện phạm tội; do đó, tịch thu tiêu hủy.

[4] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Về chi phí mai táng với số tiền 67.000.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng); căn cứ các hóa đơn, chứng từ, bảng kê mai táng phí và lời khai yêu cầu bồi thường của người đại diện hợp pháp của bị hại thì yêu cầu này là hợp lý; nên được chấp nhận. Quá trình điều tra, gia đình bị cáo Nguyễn Vũ C đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), còn lại 47.000.000 đồng chưa được bồi thường.

Yêu cầu bồi thường trong vụ án các bên không thỏa thuận được. Các bị cáo Vũ Thanh T và Nguyễn Vũ C gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật nên phải chịu trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại; trong đó, bị cáo T phải chịu trách nhiệm chính, tương xứng với hành vi phạm tội. Gia đình bị cáo C đã bồi thường được 20.000.000 đồng là đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường; phần còn lại 47.000.000 đồng, bị cáo T có trách nhiệm phải bồi thường.

Ngoài khoản tiền nêu trên, người đại diện hợp pháp của bị hại không còn yêu cầu bồi thường nào khác nên không đặt ra xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;
- Buộc bị cáo Vũ Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 47.000.000 đồng x 5% = 2.350.000 đồng.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên phù hợp về trách nhiệm hình sự với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử; nên được chấp nhận. Đối với phần bồi thường dân sự việc đề nghị cả hai bị cáo bồi thường là không hợp lý; bởi vì, như đã nhận định ở trên, bị cáo C đã bồi thường xong trách nhiệm của mình; số tiền còn lại bị cáo T có trách nhiệm phải bồi thường.

- Đối với phần trình bày của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và hồ sơ vụ án; đồng thời, tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Đối với phần trình bày của ông Ngô Văn Đ là người bào chữa cho các bị cáo tương đối phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; nên được xem xét, chấp nhận phần phù hợp.

- Đối với phần trình bày của những người đại diện hợp pháp của bị hại được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Thanh T (tên gọi khác: Nguyễn Hoàng K, T công) và Nguyễn Vũ C phạm tội “Giết người”.

1. Áp dụng Điểm n, Khoản 1, Điều 93; Điểm p, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 46; Điểm e, Khoản 1, Điều 48 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Vũ Thanh T (tên gọi khác: Nguyễn Hoàng K, T công) 19 (mười chín) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 03 tháng 7 năm 2017.

2. Áp dụng Điểm n, Khoản 1, Điều 93; Điểm b và p, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ C 07 (bảy) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 03 tháng 7 năm 2017.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bấm màu đen, cán dao dài khoảng 13cm; lưỡi dao dài khoảng 13cm, mũi dao sắc nhọn.

Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21 tháng 11 năm 2017, phiếu nhập NK1800013.

4. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; áp dụng Điều 584 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Vũ Thanh T phải bồi thường thiệt hại cho những người đại diện hợp pháp của bị hại với số tiền 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng).

5. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường và thi hành án:

Áp dụng Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa bồi thường số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về án phí:

- Buộc các bị cáo Vũ Thanh T và Nguyễn Vũ C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

- Buộc bị cáo Vũ Thanh T phải nộp 2.350.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo Vũ Thanh T và Nguyễn Vũ C, những người đại diện hợp pháp của bị hại bao gồm: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Mê L, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Vũ Thị Thanh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (2);
- Người đại diện hợp pháp của bị hại (2);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Người bào chữa;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Đồng Nai (PC45);
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an tỉnh Đồng Nai (PC81);
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Đồng Nai (B5);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành